3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt[1]:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nếu bất kỳ một mặt hàng nào thuộc gói thầu có một tiêu chí không đạt yêu cầu kỹ thuật thì E-HSDT của nhà thầu sẽ được đánh giá là không đạt yêu cầu kỹ thuật và không được xem xét về tài chính.

Toàn bộ các mặt hàng thuộc gói thầu phải đáp ứng các yêu cầu như quy định tại bảng dưới đây:

Nội dung yêu cầu Tên gói thầu: Gói 17: 130 mặt hàng sinh phẩm, hóa chất, vật tư tương thích với máy nhuộm hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ tự động, 60 vị trí đặt slide		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
I. Yêu cầu chung			
A. Tính hợp lệ của hàng hóa			
1	**Yêu cầu chung đối với tất cả các loại hàng hóa dự thầu:** - Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng còn hiệu lực (ISO 13485:2016 hoặc ISO 9001:2015 đối với hàng hóa không phải là thiết bị y tế) - Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật thiết bị y tế hoặc các hàng hóa khác (tiếng Việt). - Nhãn hàng hóa tiếng Việt lưu hành tại Việt Nam. - Thông tin về hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt. - Tài liệu kỹ thuật để phục vụ việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế (nếu có). - Thông tin về cơ sở bảo hành, điều kiện và thời gian bảo hành, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành (nếu có). - Giấy chứng nhận hợp chuẩn theo quy định hoặc bản tiêu chuẩn sản phẩm do chủ sở hữu công bố. - Tài liệu chứng minh xuất xứ của hàng hoá (đối với các mặt hàng không có giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc giấy phép nhập khẩu).	Đáp ứng đầy đủ	Không đáp ứng một tiêu chí

[1] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

	Yêu cầu cụ thể đối với từng loại hàng hóa dự thầu: **1. Đối với hàng hóa dự thầu là TTBYT:** 1.1. Yêu cầu chung - Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đã được hợp pháp hóa lãnh sự và có bản dịch công chứng tiếng Việt. - Giấy uỷ quyền bán hàng của chủ sở hữu thiết bị y tế/số lưu hành/nhà nhập khẩu (nếu có). - Có bảng phân loại thiết bị y tế. Kết quả phân loại được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ: https://imda.moh.gov.vn/web/guest/cong-khai-phan-loai-ttbyt - Bản niêm yết giá hoặc giá kê khai. 1.2 Yêu cầu cụ thể 1.2.1 Đối với thiết bị y tế loại A, B: Có "Công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A, B" tại địa chỉ: https://imda.moh.gov.vn/web/guest/van-ban-cong-bo 1.2.2 Đối với thiết bị y tế loại C, D: Số đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế. **2. Đối với hàng hóa dự thầu là các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, và các hóa chất theo quy định:** - Giấy phép lưu hành theo quy định còn hiệu lực đối với các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn /dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo quy định tại Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy phép lưu hành còn hiệu lực đối với các hóa chất thuộc phạm vi kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Hóa chất. Lưu ý: Các tài liệu đính kèm trong E-HSDT nếu là ngôn ngữ khác thì phải được đính kèm bản dịch Tiếng Việt. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của tài liệu này.	Đáp ứng đầy đủ	Không đáp ứng một tiêu chí

B.	**Biểu tiến độ cung cấp**					
1	Hàng hóa được giao phải đủ số lượng và đúng các thông tin tiêu chuẩn như đã công bố trong E-HSDT. Hàng hóa được giao theo từng đơn đặt hàng của bệnh viện, thời gian ≤ 72 giờ kể từ nhà thầu nhận được đơn hàng qua e-mail, fax hoặc điện thoại. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: hàng hóa được giao tại kho của Phòng Vật tư - Thiết bị y tế 03 cơ sở Bệnh viện K: cơ sở Quán Sứ, cơ sở Tam Hiệp, cơ sở Tân Triều. Hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng điều kiện bảo quản của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn, phòng tránh cháy nổ, đổ vỡ, hư hỏng				Đáp ứng	Không đáp ứng
C.	**Khả năng thích ứng về địa lý và tác động đối với môi trường**					
1	Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng.				Đáp ứng đầy đủ	Không đáp ứng một tiêu chí
2	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường hoặc có ảnh hưởng tác động đến môi trường nhưng có đề xuất biện pháp giải quyết.					
II.	**Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết**					
STT mời thầu	**Tên hàng hóa**	**Thông số kỹ thuật**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Bộ kít hiển thị độ nhạy cao	Thành phần: (1) Dung dịch đệm Phosphate chứa hydrogen peroxide, 15 mmol/L NaN3 và chất tẩy rửa. (2) Dextran kết hợp với các phân tử peroxidase và các phân tử kháng thể thứ cấp của dê kháng immunoglobulin thỏ và chuột. Trong dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất bảo quản (3) Dung dịch 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (4) Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide và chất bảo quản (5) Tris/EDTA buffer, pH 9, nồng độ 50x	Test	29.400		
2	Dung dịch Hematoxylin	Thành phần: Dung dịch Hematoxylin, Áp suất hóa hơi 2.3 kPa	Test	29.400		
3	Sulfuric acid 0.3M	Thành phần: Dung dịch Sulfuric acid nồng độ 0.3M	ml	12.150		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Dãy tube (dải ống) trộn hóa chất	Dãy tube (dải ống) trộn hóa chất, dùng để pha DAB+ và cơ chất với nhau. Một dãy tube gồm 10 giếng	Cái	1.250		
5	Chai đựng mẫu thử chuyên dụng	Chai đựng mẫu thử chuyên dụng kèm nắp, dùng một lần, chuyên dùng cho kỹ thuật hóa mô miễn dịch, hoặc lai tại chỗ. Mỗi chai được mã hóa 2D tiện lợi cho việc kiểm soát hóa chất.	Chai	500		
6	Kháng thể đơn dòng kháng B-Cell-Specific Activator Protein PAX5 (DAK-Pax5) dạng pha sẵn dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng B-Cell-Specific Activator Protein PAX5 dòng DAK-Pax5. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	420		
7	Kháng thể đơn dòng kháng BCL2 (124) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng BCL2 dòng 124. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	360		
8	Kháng thể đơn dòng kháng BCL6 (PG-B6p) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng BCL6 dòng PG-B6p. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	600		
9	Kháng thể đa dòng kháng Calcitonin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng kháng Calcitonin. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
10	Kháng thể đơn dòng kháng Calretinin (DAK-Calret 1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Calretinin dòng DAK-Calret 1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		
11	Kháng thể đơn dòng kháng CD10 (DAK-CD10) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD10 dòng DAK-CD10. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	840		
12	Kháng thể đơn dòng kháng CD138 (MI15) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD138 dòng MI15. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
13	Kháng thể đơn dòng kháng CD20 (L26) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD20 dòng L26. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	660		
14	Kháng thể đơn dòng kháng CD23 (DAK-CD23) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD23 dòng DAK-CD23. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		
15	Kháng thể đa dòng kháng CD3 dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng kháng CD3. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	660		
16	Kháng thể đơn dòng kháng CD34 (QBEnd 10) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD34 dòng QBEnd 10. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	240		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
17	Kháng thể đơn dòng kháng CD45 LCA (2B11 + PD7/26) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD45 LCA dòng 2B11 + PD7-26. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		
18	Kháng thể đơn dòng kháng CD5 (4C7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD5 dòng 4C7. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	720		
19	Kháng thể đơn dòng kháng CD68 (KP1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD68 dòng KP1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
20	Kháng thể đơn dòng kháng CD79a (JCB117) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD79a dòng JCB117. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
21	Kháng thể đơn dòng kháng CDX2 (DAK-CDX2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CDX2 dòng DAK-CDX2. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	540		
22	Kháng thể đơn dòng kháng Cyclin D1 (EP12) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Cyclin D1 dòng EP12. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
23	Kháng thể đơn dòng kháng CK19 (RCK108) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK19 dòng RCK108. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
24	Kháng thể đơn dòng kháng CK20 (Ks20.8) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK20 dòng Ks20.8. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	660		
25	Kháng thể đơn dòng kháng CK5/6 (D5/16 B4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK5/6 dòng D5-16 B4. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	780		
26	Kháng thể đơn dòng kháng CK7 (OV-TL 12/30) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK7 dòng OV-TL 12/30. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	840		
27	Kháng thể đơn dòng kháng CK AE1/AE3 (AE1/AE3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK AE1/AE3 dòng AE1/AE3. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	1.200		
28	Kháng thể đơn dòng kháng Desmin (D33) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Desmin dòng D33. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
29	Kháng thể đơn dòng kháng EMA (Epithelial Membrane Antigen) (E29) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng EMA (Epithelial Membrane Antigen) dòng E29. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
30	Kháng thể đơn dòng kháng ER (Estrogen Receptor) EP1 (EP1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng ER (Estrogen Receptor) EP1 dòng EP1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		
31	Kháng thể đơn dòng kháng Hepatocyte (OCH1E5) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Hepatocyte dòng OCH1E5. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
32	Kháng thể đơn dòng kháng Ki67 (MIB-1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Ki67 dòng MIB-1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		
33	Kháng thể đơn dòng kháng Mammaglobin (304-1A5) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Mammaglobin dòng 304-1A5. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
34	Kháng thể đơn dòng kháng Melan A (A103) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Melan A dòng A103. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
35	Kháng thể đơn dòng kháng HMB45 Melanosome (HMB-45) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng HMB45 Melanosome dòng HMB-45. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
36	Kháng thể đơn dòng kháng MUM1 (MUM1p) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng MUM1 dòng MUM1p. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
37	Kháng thể đơn dòng kháng Myogenin (F5D) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Myogenin dòng F5D. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
38	Kháng thể đơn dòng kháng p53 (DO-7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng p53 dòng DO-7. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		
39	Kháng thể đơn dòng kháng PR (Progesterone Receptor) (PgR 636) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng PR (Progesterone Receptor) dòng PgR 636. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	300		
40	Kháng thể đa dòng kháng S100 dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng kháng S100. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
41	Kháng thể đơn dòng kháng Synaptophysin (DAK-SYNAP) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Synaptophysin dòng DAK-SYNAP. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		
42	Kháng thể đơn dòng kháng TTF1 (Thyroid Transcription Factor) (8G7G3/1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng TTF1 (Thyroid Transcription Factor) dòng 8G7G3-1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	840		
43	Kháng thể đơn dòng kháng Vimentin (V9) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Vimentin dòng V9. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		
44	Lam kính chuyên dụng dùng trong hóa mô miễn dịch	Lam kính chuyên dụng dùng trong hóa mô miễn dịch trên mẫu paraffin, kích thước 75 x 25 x 1 mm. Các mẫu mô sẽ dính vào lam trước khi được nhuộm hóa mô miễn dịch	Cái	116.000		
45	Đệm rửa (wash buffer) 20X	Dung dịch Tris-buffered saline chứa Tween 20, pH 7.6. gồm Sodium chloride, 2-Amino-2-(hydroxymethyl)propane-1,3-diol hydrochloride, Trometamol, Propane-1,2-diol, 5-bromo-5-nitro-1,3-dioxane.	ml	259.000		
46	Dung dịch pha loãng kháng thể (DILUENT)	Dung dịch pha loãng kháng thể, dùng trong phương pháp hóa mô miễn dịch, dung dịch dùng để pha loãng những kháng thể cô đặc, Dung dịch bao gồm Tris buffer, pH 7.2m chứa 15 mmol/L NaN3 và protein	ml	2.500		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
47	Kháng thể đơn dòng kháng Muscle Actin (HHF35) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Muscle Actin dòng HHF35. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
48	Kháng thể đơn dòng kháng p63 (DAK-p63) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng p63 dòng DAK-p63. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		
49	Kháng thể đơn dòng kháng TDT (Terminal Deoxynucleotidyl Transferase) (EP266) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng TDT (Terminal Deoxynucleotidyl Transferase) dòng EP266. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
50	Kháng thể đơn dòng kháng RCC (SPM314) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng RCC dòng SPM314. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
51	Kháng thể đơn dòng kháng Smooth Muscle Actin (1A4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng SMA (Smooth Muscle Actin) dòng 1A4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	600		
52	Kháng thể đa dòng kháng Alpha-1-Antitrypsin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Alpha-1-Antitrypsin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
53	Kháng thể đa dòng kháng AFP (Alpha-1-Fetoprotein) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng AFP (Alpha-1-Fetoprotein) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
54	Kháng thể đơn dòng kháng AMACR (13H4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng AMACR dòng 13H4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	240		
55	Kháng thể đơn dòng kháng Amyloid A (mc1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Amyloid A dòng mc1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
56	Kháng thể đơn dòng kháng Beta Catenin (β-Catenin-1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Beta Catenin dòng β-Catenin-1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	240		
57	Kháng thể đơn dòng kháng CA125 (M11) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CA125 dòng M11 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
58	Kháng thể đơn dòng kháng Caldesmon (h-CD) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Caldesmon dòng h-CD dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
59	Kháng thể đơn dòng kháng CEA (Carcinoembryonic Antigen) (II-7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CEA (Carcinoembryonic Antigen) dòng II-7 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		
60	Kháng thể đơn dòng kháng CD15 (Carb-3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD15 dòng Carb-3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	480		
61	Kháng thể đơn dòng kháng CD1a (010) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD1a dòng 010 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
62	Kháng thể đơn dòng kháng CD2 (AB75) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD2 dòng AB75 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
63	Kháng thể đơn dòng kháng CD246 ALK (ALK1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD246 ALK dòng ALK1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
64	Kháng thể đơn dòng kháng CD31 (JC70A) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD31 dòng JC70A dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	240		
65	Kháng thể đơn dòng kháng CD4 (4B12) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD4 dòng 4B12 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
66	Kháng thể đơn dòng kháng CD43 (DF-T1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD43 dòng DF-T1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
67	Kháng thể đơn dòng kháng CD68 (PG-M1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD68 dòng PG-M1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	240		
68	Kháng thể đơn dòng kháng CD7 (CBC.37) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD7 dòng CBC.37 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
69	Kháng thể đơn dòng kháng CD8 (C8/144B) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD8 dòng C8/144B dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
70	Kháng thể đơn dòng kháng CK18 (DC 10) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CK18 dòng DC 10 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
71	Kháng thể đơn dòng kháng CK8/18 (EP17/EP30) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CK8/18 dòng EP17/EP30 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
72	Kháng thể đơn dòng kháng CK HMW (34BE12) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CK HMW dòng 34BE12 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
73	Kháng thể đa dòng kháng HCG (Human Chorionic Gonadotropin) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng HCG (Human Chorionic Gonadotropin) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
74	Kháng thể đơn dòng kháng Ecadherin (NCH-38) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Ecadherin dòng NCH-38 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
75	Kháng thể đơn dòng kháng Epithelial Antigen (Ber-EP4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Epithelial Antigen dòng Ber-EP4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
76	Kháng thể đơn dòng kháng ERG (Ets-Related Gene) (EP111) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng ERG (Ets-Related Gene) dòng EP111 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	240		
77	Kháng thể đa dòng kháng Gastrin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Gastrin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
78	Kháng thể đa dòng kháng GFAP dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng GFAP dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	420		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
79	Kháng thể đơn dòng kháng Inhibin α (R1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Inhibin α dòng R1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
80	Kháng thể đa dòng kháng MPO (Myeloperoxidase) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng MPO (Myeloperoxidase) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
81	Kháng thể đơn dòng kháng Neurofilament Protein (2F11) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Neurofilament Protein dòng 2F11 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
82	Kháng thể đơn dòng kháng PLAP (Placental Alkaline Phosphatase) (8A9) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng PLAP (Placental Alkaline Phosphatase) dòng 8A9 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
83	Kháng thể đa dòng kháng Thyroglobulin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Thyroglobulin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
84	Kháng thể đa dòng kháng Factor 8 (Von Willebrand Factor) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Factor 8 (Von Willebrand Factor) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
85	Nhãn in barcode	Thành phần: Có 1 lớp phủ để bảo vệ nhãn. Nhãn được in bằng máy in chuyển nhiệt, cuộn 500 miếng	Cuộn	171		
86	Bộ xét nghiệm PD-L1 (22C3) bằng hóa mô miễn dịch dạng pha sẵn	Thành phần: + Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide, chất tẩy rửa và 0.015 mol/L sodium azide + Kháng thể đơn dòng chuột kháng PD-L1, dòng 22C3 + Mẫu chứng âm + Mouse LINKER chứa kháng thể thứ cấp của thỏ chống lại các globulin miễn dịch của chuột trong dung dịch đệm có chứa protein ổn định và 0,015 mol/L sodium azide + Chất lên màu-HRP (Visualization Reagent-HRP) + Dung dịch đệm cơ chất DAB+ (DAB+ Substrate Buffer) + Chất tạo màu DAB+ (DAB+ Chromogen) + Bộ tăng cường DAB (DAB Enhancer) + Dung dịch bộc lộ kháng nguyên pH thấp, 50x + 15 lam chứng PD-L1 IHC 22C3	Test	1.250		
87	Bộ tăng cường Dab trên máy nhuộm tự động 60 vị trí bằng hóa mô miễn dịch dạng pha sẵn	Dùng để tăng cường màu nâu trong nhuộm hóa mô miễn dịch	Test	600		
88	Dung dịch Ethanol dùng trong lai huỳnh quang	Ethanol Solution, 96% được dùng tự động trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng ở bước rửa, sau khi bộc lộ kháng nguyên. Sản phẩm được cung cấp dạng pha sẵn.	Test	20		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
89	Dung dịch tiền xử lý dùng trong lai huỳnh quang	Pre-Treatment Solution (20x) dùng nhuộm situ hybridization tự động, trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng ở bước pre-treatment. Màu xanh trong buffer được thêm vào để dễ nhận biết.	ml	175		
90	Dung dịch Pepsin dùng trong lai huỳnh quang	Pepsin dùng nhuộm situ hybridization tự động, trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng trong bước thủy phân. Được cung cấp dước dạng RTU	Test	20		
91	Dung dịch Stringent dùng trong lai huỳnh quang	Stringent Wash Buffer (20x) dùng nhuộm situ hybridization tự động, trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng ở bước post-hybridization. Màu vàng được thêm vào để dễ nhận biết.	ml	175		
92	Dung dịch Fluorescence dùng trong lai huỳnh quang	Fluorescence Mounting Mediumdùng để dán mẫu FFPE sau khi nhuộm FISH onboard . Mounting medium chứa 500 µg/L DAPI để củng cố nhuộm nhân	Test	20		
93	Đầu dò Her2 dùng trong lai huỳnh quang	Probe để sử dụng trực tiếp tự động khi nhuộm FISH onboard. Có chứa HER2 và CEN-17 probe nhuộm trong IQISH hybridization buffer, dưới dạng RTU. hybridization buffer không độc và cho phép genomin DNA probe lai trong vòng 75 phút	Test	20		
94	Dụng cụ dùng trong lai huỳnh quang	Dùng trong quá trình nhuộm FISH. Mỗi dụng cụ chứa 5 slide, 5 HybriSlips và 1 Humidity Pad. HybriSlips dùng để phân phối các probe buffer đến khu vực nhuộm, và hạn chế bốc hơi buffer	Cái	5		
95	Dung dịch rửa đầu phun dùng trong lai huỳnh quang	Dùng trên máy để rửa đầu phun sau khi pha các probe nhuộm in situ hybridization, làm tan probe, để rửa các probe này ra ngoài. Sản phẩm được cung cấp dạng pha sẵn	Test	100		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
96	Dung dịch khuếch đại tín hiệu kháng thể chuột	Dung dịch khuếch đại tín hiệu kháng thể chuột	Lọ 22.5 mL	108		
97	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên pH thấp	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên pH thấp	Hộp 3 x 68 mL	40		
98	Kháng thể đơn dòng kháng CD19 (LE-CD19) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD19 dòng LE-CD19 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
99	Kháng thể đơn dòng kháng CD21 (1F8) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD21 dòng 1F8 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
100	Kháng thể đơn dòng kháng CD246, ALK Protein (OTI1A4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD246, ALK Protein dòng OTI1A4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
101	Kháng thể đơn dòng kháng CD30 (Ber-H2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD30 dòng Ber-H2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
102	Kháng thể đơn dòng kháng CD56 (123C3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD56 dòng 123C3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
103	Kháng thể đơn dòng kháng CD57 (TB01) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD57 dòng TB01 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
104	Kháng thể đơn dòng kháng CD99, MIC2 Gene Products, Ewing's Sarcoma Marker (12E7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD99, MIC2 Gene Products, Ewing's Sarcoma Marker dòng 12E7 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
105	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin 17 (E3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Cytokeratin 17 dòng E3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
106	Kháng thể đơn dòng kháng Cytomegalovirus (DDG9 + CCH2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Cytomegalovirus dòng DDG9 + CCH2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
107	Kháng thể đơn dòng kháng Epstein-Barr Virus, LMP (CS.1-4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Epstein-Barr Virus, LMP dòng CS.1-4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		
108	Kháng thể đơn dòng kháng Gross Cystic Disease Fluid Protein-15 (23A3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Gross Cystic Disease Fluid Protein-15 dòng 23A3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
109	Kháng thể đa dòng kháng Helicobacter Pylori dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Helicobacter Pylori dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
110	Kháng thể đa dòng kháng Herpes Simplex Virus Type 1 dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Herpes Simplex Virus Type 1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
111	Kháng thể đa dòng kháng Insulin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Insulin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
112	Kháng thể đơn dòng kháng Mast Cell Tryptase (AA1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Mast Cell Tryptase dòng AA1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
113	Kháng thể đơn dòng kháng MUC2 (CCP58) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MUC2 dòng CCP58 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
114	Kháng thể đơn dòng kháng MUC5AC (CLH2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MUC5AC dòng CLH2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
115	Kháng thể đơn dòng kháng MutL Protein Homolog 1 (MLH1) (ES05) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MutL Protein Homolog 1 (MLH1) dòng ES05 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
116	Kháng thể đơn dòng kháng MutS Protein Homolog 2 (MSH2) (FE11) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MutS Protein Homolog 2 (MSH2) dòng FE11 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
117	Kháng thể đơn dòng kháng MutS Protein Homolog 6 (MSH6) (EP49) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MutS Protein Homolog 6 (MSH6) dòng EP49 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
118	Kháng thể đơn dòng kháng Myosin Heavy Chain (Smooth Muscle) (SMMS-1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Myosin Heavy Chain (Smooth Muscle) dòng SMMS-1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
119	Kháng thể đơn dòng kháng Neuron-Specific Enolase (NSE) (BBS/NC/VI-H14) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Neuron-Specific Enolase (NSE) dòng BBS/NC/VI-H14 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
120	Kháng thể đơn dòng kháng Nucleophosmin (376) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Nucleophosmin dòng 376 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
121	Kháng thể đơn dòng kháng OCT3/4 (N1NK) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng OCT3/4 dòng N1NK dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	120		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
122	Kháng thể đơn dòng kháng p40 (DAK-p40) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng p40 dòng DAK-p40 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
123	Kháng thể đơn dòng kháng Podoplanin (D2-40) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Podoplanin dòng D2-40 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
124	Kháng thể đơn dòng kháng Postmeiotic Segregation Increased 2 (PMS2) (EP51) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Postmeiotic Segregation Increased 2 (PMS2) dòng EP51 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
125	Kháng thể đơn dòng kháng Progesterone Receptor (PgR 1294) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Progesterone Receptor dòng PgR 1294 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	180		
126	Kháng thể đơn dòng kháng Prostate-Specific Membrane Antigen (PSMA) (3E6) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Prostate-Specific Membrane Antigen (PSMA) dòng 3E6 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
127	Kháng thể đơn dòng kháng Prostein (10E3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Prostein dòng 10E3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
128	Kháng thể đơn dòng kháng Tyrosinase (T311) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Tyrosinase dòng T311 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
129	Kháng thể đơn dòng kháng Villin (1D2 C3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Villin dòng 1D2 C3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		
130	Kháng thể đơn dòng kháng Wilms' Tumor 1 (WT1) Protein (6F-H2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Wilms' Tumor 1 (WT1) Protein dòng 6F-H2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Test	60		